

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024 “V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kha Văn Minh;

Ông Trần Doãn Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 543/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lô Thị C.** sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Trần Quang Đ.** sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 10/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lô Thị C trình bày:

- Về tình cảm: Chị Lô Thị C và bị đơn anh Trần Quang Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05 tháng 10 năm 2009 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm

các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, hai vợ chồng đi làm ăn xa nên hay dẫn đến xích mích cãi vã nhau, anh Trần Quang Đ không quan tâm chăm sóc vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau. Chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Trần Quang Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh Đ có 01 người con chung tên là Trần Lô Bảo N sinh ngày 06/02/2010, ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Lô Thị C và anh Trần Quang Đ không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C và anh Đ không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Quang Đ vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Lô Thị C được ly hôn với anh Trần Quang Đ; Về con chung: Giao con chung tên là Trần Lô Bảo N sinh ngày 06/02/2010 cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về tài sản và nợ chung: Chị Lô Thị C và anh Trần Quang Đ không có tài sản chung và không có các khoản nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về án phí: Chị Lô Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thông báo, triệu tập theo thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án; Bị đơn không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt, niêm yết cho đương sự hợp lệ, nhiều lần. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Lô Thị C và anh Trần Quang Đ đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2009 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị C và anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên dẫn đến hay xích mích cãi vã nhau. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị C và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh Đ hay đi làm ăn xa không quan tâm chăm sóc vợ con. Gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không thành, vì vậy mà hiện nay hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa, chị C đã về sống cùng bố mẹ đẻ còn anh Đ thường xuyên đi đâu làm gì ở đâu không thông báo cho chị C và chính quyền địa phương biết. Như vậy, chị C và anh Đ đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng. Xét thấy, giữa chị C và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị C được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị C và anh Đ có 01 người con chung tên là Trần Lô Bảo N sinh ngày 06/02/2010. Quá trình giải

quyết vụ án chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần. Như vậy nguyện vọng của chị C là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con. Xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng chị C có đủ điều kiện để chăm sóc và giáo dục con, nguyện vọng của cháu N là muốn ở với mẹ. Mặt khác qua xác minh thấy rằng anh Đ hiện nay không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì không báo với chị Đ và chính quyền địa phương được biết, vì vậy để đảm bảo sự ổn định tâm lý, tránh xáo trộn cuộc sống của con nên việc giao con cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Lô Bảo N trưởng thành, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không có tài sản chung, không có các khoản nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lô Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lô Thị C được ly hôn với anh Trần Quang Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Lô Bảo N sinh ngày 06/02/2010 cho chị Lô Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần

thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Anh Trần Quang Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Lô Thị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Quang Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lô Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000644 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; chị Lô Thị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H. Con Cuông
- Chi cục THADS H. Con Cuông
- UBND xã Yên Khê;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Hải

